

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2020/DSST

Ngày 20- 02-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Thắng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Cao Thị Hồng Châu và ông Nguyễn Đăng Lân

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 316/2019/TLST - DS, ngày 14 tháng 8 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/DS-ST ngày 22/01/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Đức K

Trú tại: thôn B, xã E M, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T

Cùng trú tại: thôn H Đ, xã QH, huyện C M, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Bùi Đức K trình bày:

Vào ngày 03/06/2017 (âm lịch) ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có đến nhà tôi mượn số tiền 205.000.000đ với lãi suất thỏa thuận hẹn đến ngày 03/12/2017 (âm lịch) sẽ hoàn trả số tiền trên cho tôi. Đến hẹn tôi đến nhà đòi nhưng ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T không trả, gọi điện thoại

thì ông B, bà T không nghe máy. Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải trả cho tôi số tiền gốc là 205.000.000đ và lãi suất theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa Bùi Đức K yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải trả số tiền gốc là 205.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng bị đơn: không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T không tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ pháp luật tranh chấp đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại điều Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Đức K số tiền nợ gốc là 205.000.000đ

Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xét thấy việc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có ký giấy mượn tiền với ông Bùi Đức K là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do không trả được nợ nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngày 20/11/2019 Tòa án đã

tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar thì Ủy ban nhân dân xã Quảng Hiệp xác nhận ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có hộ khẩu tại xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T. Tuy nhiên, ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T vẫn không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có vay của ông Bùi Đức K số tiền 205.000.000đ có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T. Do ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T không tham gia tố tụng nên vào ngày 05/11/2019 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T. Kết quả là chữ viết trong giấy mượn tiền của người nhận tiền giữa ông Nguyễn Phương B, bà Lê Thị Bích T và ông Bùi Đức K vào ngày 03/6/2017 (âm lịch) là chữ viết của ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T. Như vậy, việc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T ký kết hợp đồng vay số tiền 205.000.000 đồng của ông Bùi Đức K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Đến thời hạn trả nợ (ngày 03/12/2017 âm lịch) nhưng ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, được quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Bùi Đức K số tiền nợ gốc là 205.000.000đ theo quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa ông Bùi Đức K không yêu cầu về lãi suất nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí khác:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; cụ thể: $205.000.000 \times 5\% = 10.025.000\text{đ}$

Ông Bùi Đức K thuộc diện thương binh được miễn tiền tạm ứng án phí nên không trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông K.

[5.2] Về chi phí tố tụng khác:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên số tiền 4.320.000đ mà ông Bùi Đức K đã nộp tiền giám định chữ ký chữ viết thì đồng bị đơn ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Đức Khương số tiền 4.320.000đ đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức K.

Buộc ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải trả cho ông Bùi Đức K số tiền là 205.000.000 đồng

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**** Về án phí dân sự sơ thẩm:***

- Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T phải chịu 10.025.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

**** Chi phí tố tụng khác:***

Ông Nguyễn Phương B và bà Lê Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Đức K số tiền 4.320.000đ (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền chi phí giám định.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đồng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Ngọc Thắng